BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – NGỮ VĂN 9 KNTT

ĐỀ 1:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên…"

(Trích *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?

Câu 3. Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 4. Chi tiết khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

Câu 5. Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, anh /chị có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của anh/ chị về nhân vật Dương Trạm trong đoạn trích trên.

Câu 2. Anh/ chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) về vấn đề trách nhiệm của con người với môi trường.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

Thể loại: Truyện truyền kì

Câu 2.

Kiêu căng

Câu 3.

Hiệu quả nghệ thuật:

- Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.
- Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.
- Muốn bất tử hóa nhân vật Dương Trạm vì đã có những phẩm chất tốt.

Câu 4.

Là người sống có tình, có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo.

Câu 5.

Truyền thống tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp từ xưa đến nay của nhân dân ta. Truyền thống nhằm để tôn vinh, kính trọng và sự biết ơn của mỗi cá nhân đối với người thầy của mình.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Phẩm chất và tính cách của Dương Trạm:

+ Là người thầy nghiêm khắc nhưng đầy tình thương, luôn răn dạy học trò về đạo đức và lối sống.

+ Tính cách kiên định, trung thực và có lòng nhân ái.

- Tác động của Dương Trạm đối với Phạm Tử Hư:

+ Dương Trạm đã giúp Phạm Tử Hư sửa đổi tính kiêu căng, trở thành người có đức tính tốt.

+ Tình thầy trò sâu sắc, thể hiện qua việc Phạm Tử Hư ở lại bên mộ thầy suốt ba năm sau khi thầy mất.

- Chi tiết kỳ ảo và ý nghĩa:

+ Cuộc gặp gỡ kỳ ảo giữa Phạm Tử Hư và Dương Trạm sau khi thầy mất, thể hiện sự bất tử hóa nhân vật Dương Trạm.

+ Ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo trong việc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạm và tình nghĩa thầy trò cao quý.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Anh/ chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) về vấn đề trách nhiệm của con người với môi trường.

c Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vấn đề ô nhiễm môi trường.

2. Thân bài

- Giải thích vấn đề

+ Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc, chất hại dẫn đến thay đổi nhanh chóng và gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.

- Thực trạng

+ Hàng ngày có hàng tấn rác thải được đổ ra biển, các chất độc hại ngày càng tích lũy và ảnh hưởng xấu tới môi sinh và các sinh vật biển. Bên cạnh đó, môi trường nước ngọt cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

+ Môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề do khí thải công nghiệp, khí thải xe cộ và mùi rác thải sinh hoạt của con người.

+ Diện tích rừng bị chặt phá ngày càng tăng.

- Nguyên nhân

+ Chủ quan: Do ý thức kém của con người.

+ Khách quan: Do hiện tượng cực đoan của xã hội; do sự quản lí của nhà nước hoạt động của các doanh nghiệp trong việc xử lí.

- Hậu quả

+ Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.

+ Mất đi các nguồn lợi từ biển: các hải sản, du lịch biển.

+ Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống.

- Giải pháp

+ Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh mình, thay đổi từ những thói quen nhỏ nhất để khiến cho môi trường được cải thiện tốt hơn.

+ Nhà nước cần tăng cường sự quản lí cũng như xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường.

+ Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước thải ... hiện nay.

3. Kết bài

Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 2:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

(**Lược một đoạn:** Đào Cảnh Long, hiệu là Vân Hiên cư sĩ, là một học trò nghèo sống vào cuối đời Lê Chiêu Thống, đức độ rộng rãi, tính tình chất phác, trọng danh nghĩa, chuộng khí khái. Năm Bính Thìn, vì nhà thiếu ăn, chàng phải đi dạy học thuê cho một nhà giàu).

Ở chỗ dạy học, anh có nuôi một con chó già, sớm hôm chơi đùa với nó. Anh đi đâu, nó cũng đi theo. Anh ngồi đâu, nó cũng đứng chầu bên cạnh. Anh đặt tên nó là Hàn Lư. Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Mấy tháng sau, anh có việc phải trở về quê hương. Con chó phải ở lại. Nó quanh quẩn ra vào ở cửa phòng học. Ban ngày xua đuổi gà lợn, ban đêm phòng giữ kẻ gian. Nhiều khi bọn trẻ lãng quên, không cho ăn, tiếng sủa của con chó không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy, thương hại, đem cơm đến cho ăn. Vừa bước vào cửa phòng học, liền bị con chó cắn phải. Ông trách mắng:

– Hàn Lư! Hàn Lư! Vì thương mày đói lâu nay, nên ta đến đưa cơm cho mày ăn. Ta đâu phải là kẻ bất nhân! Mày tuy là giống vật, nhưng cũng biết suy nghĩ chút ít. Sao mày lại lấy oán trả ân?

Ông chưa dứt lời, con vật chồm lên, nhe răng, giơ vuốt, nói bằng tiếng người:

– Ngày chủ tôi đi có căn dặn tôi phải bảo vệ phòng học, trông nom bọn trẻ. Ngăn chặn kẻ ác, cấm đoán kẻ gian là trách nhiệm của tôi. Ông tới đột ngột, lại không có chủ tôi đón tiếp, thì bị cắn một miếng là đúng lẽ thôi! Thế mà còn trách mắng nặng lời gì nữa!

Thấy con chó biết nói tiếng người, lại nói đúng lẽ, phú ông thầm nghĩ trong bụng nó là con vật kì lạ, ý muốn dụ dỗ, bèn nói:

– Ông chủ của mày bản chất là thầy đồ nghèo. Mình hắn chẳng đủ miếng ăn, lấy đâu ra dành cho mày nữa. Bây giờ chi bằng mày bỏ chỗ tối, tới chỗ sáng, bỏ nhà nghèo, tới nhà giàu, tìm nơi no đủ, sung sướng suốt đời, có phải hơn không? Tội gì mà phải chịu khổ mãi? Con chó nói:

– Ôi! Ông cũng là người, sao nỡ mở miệng buông lời như thế. Kẻ sĩ trung nghĩa, không vì cùng hay thông mà thay đổi ý chí, cho nên đến mùa rét mới biết rõ bách tùng tươi tốt hơn các cây khác, gặp gió mạnh mới hay cây đứng được vững chắc. Giống súc vật tuy khác với loài người, song vẫn có tính trời phú, biết giữ vững khí tiết đối với chủ của mình. Huống hồ ông chủ của tôi lại là một người luôn biết giữ lòng chân chính, sống nghề quang minh, trung để thờ vua, tín để kết bạn, hiếu với cha mẹ, hòa thuận họ hàng, trời sắp giao cho trách nhiệm quan trọng, cho nên bắt phải cùng khổ thiếu thốn, để trau dồi cho được thành công tốt đẹp đó thôi! Ông nói năng lung tung

chẳng đúng gì, nên tôi tha thứ cho. Nếu không miệng này sẽ cắn cho một miếng nữa, chẳng ngần ngại gì! Hãy mau mau lui về, chớ để sau phải hối tiếc!

Phú ông nghe xong, sửng sốt ngây dại, hiểu rõ con vật có nghĩa, không thể giành giật được, đành mang cơm ra về.

Vài hôm sau, Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ ra cửa đón tiếp, hình dáng tiều tụy khôn xiết. Nghe xóm giềng kể lại câu chuyện, Đào Cảnh Long cảm động lắm, ngậm ngùi lấy làm lạ mãi. Anh kiểm tra lại phòng sách, thì khóa cửa không di chuyển, giường chiếu còn y nguyên, đều là nhờ con chó hết sức canh giữ.

Ôi! Con chó là loài súc vật, mà còn biết giữ lòng tiết nghĩa thờ chủ. Dù dùng lời đường mật dụ dỗ, cũng không thể lay chuyển lòng dạ sắt đá của nó. Huống gì con người ăn lộc nhà vua, nếu giữ vững đầy đủ cái lòng tiết nghĩa ấy để đền ơn nước, xông ra đánh giặc, giặc nào chẳng tan; cố sức giữ thành, thành nào chẳng vững…

Than ôi! Sao mà lòng người chẳng còn được như xưa, thói đời đổi thay nhiều dạng? Lúc nước nhà yên vui thì bợ đỡ cầu vinh, lúc cuộc đời rối ren thì trở mặt đổi giọng, bán nước kiếm ăn, theo thời cầu lợi, không còn chút liêm sỉ, thật là quá quắt!

Vì vậy, tôi cho rằng ở đời nhiều kẻ không bằng con Hàn Lư đấy! Nhân ghi lại mẩu chuyện để răn bảo người đời.

(Trích *Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo*, Phạm Quý Thích, in trong *Truyện truyền kì Việt Nam*, Vũ Ngọc Khánh – Nguyễn Quang Ân sưu tầm, tuyển chọn, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.320 – 332)

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo được sử dụng trong văn bản.

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 5. Anh/Chị rút ra được những bài học gì cho bản thân sau qua văn bản trên?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật người tiều phu trong đoạn trích sau:

Đất Thanh Hóa hầu hết là núi, bát ngát bao la đến mấy ngàn dặm. Có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở quạnh vắng không có chân người, bụi trần không bén tới. Trong động có người tiều phu hàng ngày gánh củi ra đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy tiền. Ai hỏi tên họ nhà cửa, tiều phu chỉ cười mà không nói. Người chung quanh đều cho rằng đây phải là bậc kỳ sỹ ở ẩn. Khoảng năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường, vừa đi vừa hát rằng:

[…]

"Núi xanh bao bọc quanh nhà

Ruộng đem sắc biếc xa xa vòng ngoài
Ngựa xe võng lọng mặc ai
Nước non này chẳng trần ai vướng vào"
[…] *Hát xong, phất áo đi thẳng. Hán Thương đoán là một bậc ẩn giả, bèn sai quan hầu là Trương Công đi mời. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì tiều phu đã đi vào động, gọi cũng không trả lời, chỉ thấy rẽ mây lách khói, đi thoăn thoắt trong rừng tùng khóm trúc.*
Biết không phải là người thường, Trương bèn rón bước đi theo, rẽ cỏ tìm đường. […] *Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc hỏi:*
– Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?
Trương trả lời:
– Tôi là chức quan tùy giá của đương triều; biết ngài là bậc cao sỹ nên vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện loan giá đang đợi ngoài kia, xin ngài quay lại một chút.
Tiều phu cười mà rằng:
– Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông già lánh bụi; gửi thân nơi lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng hươu nai tôm cá, quẩn bên là tuyết nguyệt phong hoa, đông kép mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói; múc khe mà uống, bới núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài kia là triều đại nào, vua quan nào.

(Trích *Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na*, *Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Văn nghệ, 1988)

Câu 2. Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề này bằng một bài văn ngắn khoảng 400 chữ.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)
Câu 1.
Ngôi thứ ba.
Câu 2.
- Lời của người kể chuyện: Anh thường đùa với nó; Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.
- Lời của nhân vật (Đào Cảnh Long): Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không?
Câu 3.
- **Yếu tố kì ảo trong đoạn trích:** chú chó Hàn Lư biết nói tiếng người.
- Tác dụng của các yếu tố kì ảo:
+ Tạo ra sự sinh động, khiến câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.
+ Giúp tác giả bộc lộ quan điểm về lòng trung nghĩa.

Câu 4.

Mượn câu chuyện về chú chó tình nghĩa với chủ, văn bản thể hiện chủ đề:

Ca ngợi những con người có tấm lòng trung nghĩa, những người biết giữ lòng trung, sống quanh minh chính đại.

Đồng thời phê phán những kẻ bất trung bất nghĩa, vì ham vinh hoa phú quý mà sẵn sàng bán nước cầu vinh, theo thời cầu lợi, không có liêm sỉ.

Câu 5.

*** HS rút ra những bài học ý nghĩa qua câu chuyện:**

- Chúng ta cần giữ vững khí tiết, lòng trung nghĩa trong bất kì hoàn cảnh nào.
- Không được thỏa hiệp với cái xấu, cái ác, đánh mất lòng trung nghĩa vì lợi danh.
- Cần đề phòng những cám dỗ trong cuộc đời.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na là một trong những thiên truyện tiêu biểu trích trong Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Vẻ đẹp nhân vật người tiều phu núi Na được thể hiện đặc sắc qua đoạn trích sau (trích VB).

- Thân đoạn: Làm rõ nhân vật người tiều phu quan đoạn trích. Có thể như sau:

+ Hoàn cảnh sống: Người tiều phu sống một mình trong động lớn ở núi Na. Công việc hàng ngày là gánh củi ra đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy tiền,

+ Phẩm chất, tính cách: Người tiều phu hiện lên qua đoạn trích.là một ẩn sĩ thấu hiểu lẽ đời, không màng danh lợi, sống hòa mình với thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn; sống cuộc đời ung dung, tự do tự tại.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật người tiều phu được khắc họa rõ nét qua lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, qua suy nghĩ của các nhân vật khác và được bộc lộ trực tiếp qua hành động, lời nói của tiều phu.

+ Ý nghĩa: Qua nhân vật người tiều phu, nhà văn gián tiếp thể hiện quan điểm nhân sinh sâu sắc của mình.

- Kết đoạn:

* Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Theo em, con người cần ứng xử như thế nào với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài? Trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề này bằng một bài văn ngắn khoảng 400 chữ.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

Mở bài:

- Giới thiệu về tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài đối với con người.
- Nêu vấn đề cần nghị luận: cách con người cần ứng xử với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài.

Thân bài:

- Thực trạng hiện nay:

+ Mô tả tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức và hậu quả của nó.
+ Đưa ra ví dụ về sự suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường.

- Nguyên nhân:

+ Nhu cầu phát triển kinh tế và dân số tăng.
+ Thiếu nhận thức và giáo dục về bảo vệ môi trường.
+ Chính sách quản lý tài nguyên chưa hiệu quả.

- Hậu quả:

+ Môi trường: Ô nhiễm không khí, nước, đất; biến đổi khí hậu.
+ Kinh tế: Cạn kiệt tài nguyên, ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp phụ thuộc vào tài nguyên.
+ Xã hội: Di cư, mất đất canh tác, xung đột tài nguyên.

- Giải pháp:

+ Chính sách và pháp luật: Ban hành và thực thi các quy định về khai thác và bảo vệ tài nguyên.
+ Công nghệ: Sử dụng công nghệ tiên tiến để khai thác hiệu quả và giảm thiểu tác động môi trường.
+ Giáo dục và nâng cao nhận thức: Tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên.
+ Phát triển bền vững: Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tái chế và tiết kiệm tài nguyên.

- Ứng xử cá nhân:

+ Sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm và hợp lý.
+ Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng cây, dọn rác.
+ Tuyên truyền và giáo dục người khác về tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên và sự sống của muôn loài.

Kết bài:

- Khẳng định lại tầm quan trọng của việc ứng xử đúng đắn với tài nguyên thiên nhiên và sự sống của muôn loài.
- Kêu gọi hành động từ cộng đồng và chính phủ để bảo vệ tài nguyên cho các thế hệ tương lai.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu

ĐỀ 3:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

"Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,

Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?

Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,
Có khi tầng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,

Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau,

Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,
Phận đẩu thăng chẳng dám tham trời,
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!

Muốn đi lại tuổi già thêm nhác

Trước ba năm gặp bác một lần,
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày,
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,

Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mải lên tiên,
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,
Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,

Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan."

(*Khóc Dương Khuê* – Nguyễn Khuyến)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nêu nghĩa của từ "xuân" trong câu thơ: "Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân".

Câu 3. Nội dung chính của bài thơ là gì? Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự nào?

Câu 4. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời.

Câu 5. Đoạn thơ trên cho anh/chị suy nghĩ gì về tình bạn của học sinh thời nay?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Từ đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

Câu 2. Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích bài thơ ở phần đọc hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 3:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

Thể thơ: Song thất lục bát.

Câu 2.

Nghĩa của từ "xuân" trong câu thơ "Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân" chỉ chất men say của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào, tình cảm thắm thiết của bạn bè…

Câu 3.

- Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm: từ thuở đăng khoa sớm hôm cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác cheo leo, nghe con hát cầm xoang, cùng uống rượu, có khi soạn câu văn, cùng nhau chung hoạn nạn…
- Trình tự: hồi tưởng của dòng cảm xúc thời gian.

Câu 4.

- Biện pháp tu từ:

+ Nghệ thuật nói giảm nói tránh "Bác Dương thôi đã thôi rồi"

+ Nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ... Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi

+ Điệp từ không dùng rất hợp hoàn cảnh và đặc sắc.

- Tác dụng:

+ Nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ với bạn.

+ Tăng sức biểu đạt cho bài thơ

Câu 5.

- Quan niệm về tình bạn, biết phân biệt các biểu hiện tốt và chưa tốt trong tình cảm bạn bè ở tuổi học sinh…
- Thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của tình bạn…
- Bản thân phải làm gì để có tình bạn đẹp, có những người bạn tốt …

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Định nghĩa về tình bạn: Tình bạn là mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người dựa trên sự tương đồng về tính cách, sở thích, lí tưởng. Đây là một mối quan hệ chân thành, dựa trên sự tôn trọng, sự chia sẻ và sự hỗ trợ lẫn nhau.

- Vai trò của tình bạn: Tình bạn có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người. Nó giúp chúng ta có thêm động lực để vượt qua những khó khăn, thách thức. Bạn bè là người cùng ta chia sẻ những buồn vui, là người bạn đồng hành trên mọi chặng đường. Tình bạn còn là chỗ dựa tinh thần vững chắc của mỗi người. Khi gặp khó khăn, chúng ta có thể tìm đến bạn bè để được chia sẻ, tư vấn và được giải tỏa những căng thẳng trong cuộc sống.
- Bài học nhận thức: Để có một mối quan hệ tình bạn tốt, chúng ta cần xây dựng nó dựa trên sự chân thành, tôn trọng lẫn nhau, không vụ lợi hay ích kỉ. Chúng ta cần học cách thấu hiểu, lắng nghe và đồng cảm để tình bạn được bền vững và phát triển lâu dài.
Câu 2.
a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận
- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận văn học đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận
Phân tích bài thơ Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến
c Triển khai vấn đề nghị luận
- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:
1. Mở bài
Giới thiệu về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ "Khóc Dương Khuê" : Những tác phẩm của ông thể hiện những cảm xúc chân thành và tươi đẹp của người Việt Nam
2. Thân bài
- Giới thiệu về mối quan hệ bạn bè của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê: Cả hai đều là bạn đồng môn và đồng thời là nhà quan lại dưới thời triều Nguyễn
- Nỗi đau mất mát của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi đột ngột của Dương Khuê: Việc Dương Khuê ra đi bất ngờ gây ra nỗi đau không lường trước cho Nguyễn Khuyến
- Tưởng nhớ những kỷ niệm đẹp của đôi bạn thân: Hai trái tim hòa mình vào nhau đã trải qua những khoảnh khắc đầy niềm vui và ý nghĩa
- Nỗi đau mất bạn cùng với nỗi đau mất quê: Cùng phục vụ dưới một triều đại, hai người bạn thân đã chia sẻ nỗi buồn về mất mát đất nước
3. Thân bài
- Ý nghĩa của bài thơ "Khóc Dương Khuê": Bài thơ Khóc Dương Khuê thể hiện sự tiếc nuối sâu sắc về một tình bạn đáng trân trọng
d. Chính tả, ngữ pháp
Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.
e. Sáng tạo
- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 4:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

NỖI SẦU OÁN CỦA NGƯỜI CUNG NỮ

Trong cung quế âm thầm chiếc bóng,
Đêm năm canh trông ngóng lần lần.
Khoảnh làm chi bấy chúa xuân!
Chơi hoa cho rữa nhụy dần lại thôi.
Lầu đãi nguyệt đứng ngồi dạ vũ,
Gác thừa lương thúc ngủ thu phong.
Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng,
Gương loan bẻ nửa, dải đồng xẻ đôi...
Chiều ủ dột giấc mai khuya sớm
Vẻ bâng khuâng hồn bướm vẩn vơ
Thâm khuê vắng ngắt như tờ
Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương gieo
Ngấn phượng liễn chòm rêu lỗ chỗ
Dấu dương xa đám cỏ quanh co
Lầu Tần chiều nhạt vẻ thu
Gối loan tuyết đóng, chăn cù giá đông
Ngày sáu khắc, tin mong nhạn vắng.
Đêm năm canh tiếng vắng chuông rền
Lạnh lùng thay giấc cô miên!
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.
Tranh biếm ngắm trong đồ tố nữ
Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu
Một mình đứng tủi ngồi sầu
Đã than với nguyệt lại rầu với hoa!
Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải
Ngán trăm chiều, bước lại ngẩn ngơ
Hoa này bướm nỡ thờ ơ,
Để gầy bông thắm để xơ nhụy vàng...
Đêm năm canh lần nương vách quế
Cái buồn này ai dễ giết nhau
Giết nhau chẳng cái lưu cầu
Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa!

(Trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều, từ câu 209 đến 244)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Văn bản được viết bằng chứ Hán hay chữ Nôm. Tìm ít nhất ba điển tích, điển cố có trong đoạn trích.

Câu 3. Tìm những câu thơ diễn tả rõ nhất tâm trạng của người cung nữ, cho biết đó là tâm trạng gì?

Câu 4. Tìm và phân tích tác dụng của nghệ thuật điệp vần trong đoạn thơ sau:

Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải
Ngán trăm chiều, bước lại ngẩn ngơ
Hoa này bướm nỡ thờ ơ,
Để gầy bông thắm để xơ nhụy vàng...
Đêm năm canh lần nương vách quế
Cái buồn này ai dễ giết nhau
Giết nhau chẳng cái lưu cầu
Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa!

Câu 5. Khái quát nội dung chính của đoạn trích từ 3-5 câu văn

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tinh thần vượt khó trong mọi hoàn cảnh.

Câu 2. Viết bài văn nghị luận văn bản phân tích đoạn thơ sau:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi từng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau…

(*Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 4:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

- Thể thơ: Song thất lục bát

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2.

- Văn bản được viết bằng chữ Nôm
- Các điển tích, điển cố trong đoạn trích (HS tìm được ba từ trong các từ sau): thân phù thế, mồi phú quý, bả vinh hoa, cánh buồm bể hoạn, hoa chúm chím chào, cợt đào ghẹt mai, thánh thót cung đàn, nỉ non tiếng địch, gay gắt điệu, tê tái lòng, má đào chon chót, âm thầm chiếc bóng, hồn bướm vẩn vơ, dế ran ri rỉ, quyên kêu ra rả

Câu 3.

- Những câu thơ diễn tả tâm trạng: Vẻ bâng khuâng hồn bướm vẩn vơ/ Một mình đứng tủi ngồi sầu/ Đã than với nguyệt lại rầu với hoa! / Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải/ Ngán trăm chiều, bước lại ngẩn ngơ…
- Diễn tả nỗi buồn tủi, cô đơn da diết của người cung nữ khi bị thất sủng, phải chôn vùi tuổi xuân trong cung cấm…

Câu 4.

- Biện pháp tu từ điệp vần: giết nhau

- Tác dụng: Điệp vần, điệp ngữ "giết nhau" nhắc lại ba lần trong đoạn thơ gây ấn tượng mạn về sự tàn bạo, độc ác. Người ta giết nhau bằng dao kiếm tưởng như đã là tận cùng của nỗi đau đau nhưng vẫn chỉ là thuần túy về thể xác. Giết nhau bằng nỗi u sầu, tự đày đọa trong cảnh chăn đơn gối chiếc khiến người ta chết dần chết mòn - đó mới là sự tàn phá kinh hoàng, là nỗi đau đau không thể hàn gắn. Câu thơ như lời trách móc nhẹ nhàng mà hằn học, khiến lời thơ đọc lênđllên mà nhức nhối tâm can…

Câu 5.

- Đoạn trích diễn tả tâm trạng buồn đau của người cung nữ trong cung vua khi bị thất sủng, phải chôn vùi tuổi thanh xuân trong cung cấm. Nỗi buồn sầu không biết chia sẻ cùng ai chỉ một mình chịu nỗi cô quạnh, buồn tủi với mây, đèn than cho thân phận chịu cảnh chồng chung; đồng thời là nỗi thương cảm của nhà thơ xót xa cho số phận bất công, ngang trái của người phụ nữ trong chế độ phong kiến …

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

*** Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận:** Tinh thần vượt khó.

*** Bàn luận vấn đề:**

+ Giải thích.

-Tinh thần vượt khó là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta đối mặt với khó khăn và thử thách trong cuộc sống. Khi chúng ta có tinh thần tích cực, sẵn sàng chấp nhận những thử thách và không sợ thất bại, chúng ta sẽ có cơ hội để phát triển và trưởng thành hơn. Đặc biệt là với giới trẻ, tinh thần vượt khó sẽ giúp họ khám phá thêm những khả năng của bản thân, đồng thời giúp họ đạt được mục tiêu và thành công trong cuộc sống. Bằng cách luôn luôn nỗ lực, không ngừng học hỏi, và có một tinh thần đồng đội, chúng ta sẽ trở nên mạnh mẽ hơn và xây dựng được một cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Phân tích

- Tinh thần vượt khó là phẩm chất quý giá của con người. Những người có tinh thần này biết cách phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình bằng cách nỗ lực hết sức để đạt được những thành tựu cho riêng mình. Họ không chán nản khi vấp ngã, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy để đi tiếp con đường đã chọn.

- Tinh thần vượt khó giúp con người tôi luyện các phẩm chất quý giá như chăm chỉ, cần cù và lạc quan. Nhờ đó, đường đi đến thành công sẽ trở nên rút gọn và dễ dàng hơn. Những người có tinh thần vượt khó luôn sẵn sàng đi tiếp, và điều đó sẽ mang lại những thành quả ngọt ngào sau bao nỗ lực và cố gắng.

- Tinh thần vượt khó còn khiến chúng ta được người khác yêu thương, tin tưởng và học tập theo. Những người có tinh thần này là những người mạnh mẽ, kiên cường và đáng kính trong mắt người khác. Họ là những người mà chúng ta cần học hỏi và lấy làm gương để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

+ Chứng minh: Học sinh tự chọn các ví dụ tiêu biểu để minh họa cho bài làm của mình.

+ Phản đề

Trong cuộc sống, việc đối mặt với những khó khăn và thử thách là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, không phải ai cũng có đủ tinh thần và năng lượng để vượt qua những thử thách này. Nếu có những người bi quan, luôn chán nản, không dám đương đầu với khó khăn và thất bại, hoặc không đủ tinh thần để đứng dậy sau khi gặp trắc trở, họ nên bị chỉ trích và phê phán. Bởi vì tinh thần vượt khó là một yếu tố quan trọng giúp con người trưởng thành, phát triển và đạt được mục tiêu của mình trong cuộc sống. Nếu không có tinh thần vượt khó, chúng ta sẽ không thể phát triển được sự kiên trì, sự kiên nhẫn, sự đổi mới và sáng tạo trong công việc và cuộc sống của mình. Do đó, cần khuyến khích mọi người phát triển tinh thần vượt khó để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống và trưởng thành hơn.

*** Chốt lại vấn đề:**

- Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của tinh thần vượt khó và suy ngẫm về bài học áp dụng cho chính mình.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận văn học đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Viết bài văn nghị luận văn bản phân tích đoạn thơ trong bài: "*Khóc Dương Khuê*"- Nguyễn Khuyến.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

*** Mở bài:**

- Dẫn dắt VĐ: Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ "*Khóc Dương Khuê*". Những bài thơ của ông mang những tình cảm chân thực đẹp đẽ của người Việt Nam.

- Nêu vấn đề: Nguyễn Khuyến đã gửi gắm trọn vẹn thông điệp về một tình bạn cao cả, thủy chung, gắn bó và chân thành, không có sự cách biệt về không gian hay thời gian nào có thể phai nhòa đi tình bạn ấy.

*** Thân bài:** Phân tích đảm bảo các LĐ sau

+ Nỗi đau buồn của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi đột ngột của Dương Khuê

- Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm: từ thuở đăng khoa sớm hôm cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác cheo leo, nghe con hát cầm xoang, cùng uống rượu, có khi soạn câu văn, cùng nhau chung hoạn nạn…

+ Nỗi buồn mất bạn hòa chung với nỗi buồn mất nước :

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

- Câu thơ đọc lên nghe nhói đau, quặn thắt bởi cái sự không lành kia đến đột ngột quá. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng cái trường độ đứt đoạn của những tiếng nấc tắc nghẹn trong nỗi đau đến quá đỗi bất ngờ. Trong khi đó nhịp thơ dàn trải và đều đặn ở câu bát làm nỗi đau lan toả ra khắp không gian, trời đất. Một tượng đài đáng kính, đáng trọng trong lòng nhà thơ vừa mất đi một cách quá bàng hoàng khiến người trong cuộc choáng váng, tiếc nuối mà biết rằng không thể cưỡng lại được.
- Đau gắn với nhớ, càng nhớ càng đau. Hiện tại phũ phàng khơi gợi về những ngày tươi đẹp trong quá khứ đê rồi khi những kỉ niệm kia vụt tan thì hiện thực lại càng gợi sự đớn đau quặn thắt hơn. Câu thơ lặng lẽ trôi về quá khứ, dựng dậy cả một thời "quá khứ hoàng kim" của tình bạn, với mấy chục năm trời gắn bó:

+ Từ buổi đầu gặp gỡ ("thủa đăng khoa ngày trước") đến tận khi tóc bạc da mồi ("Bác già tôi cũng già rồi");

+ Có lúc thật phong lưu tài tử ("Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang") lại có khi chia sẻ cay đắng gian nan ("Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn"),...

=> Dường như nỗi đau mất bạn như đang muốn tựa vào quá khứ để níu giữ một cái đã vĩnh viễn mất đi. Nguyễn Khuyến không đối diện với quá khứ mà sống cùng nó, sống trong nó. Cái chết không thể chôn vùi được những giá trị tinh thần cao quý. Tình bạn nặng trĩu trong từng câu chữ. Cái tình không chỉ là yêu thương, quý mến,... mà là "kính yêu" - cái tình của hai trí thức lớn. Đoạn thơ hồi tưởng không ồn ào mà đằm thắm, thiết tha, sâu lắng.

+ Nghệ thuật đặc sắc:

- Nghệ thuật nói giảm nói tránh;
- Sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ;
- Các phép tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ, liệt kê,
- Ngôn từ tinh tế, sâu lắng, cảm xúc chân thành; hình ảnh thơ mang tính biểu tượng…

*** Kết bài:** Khẳng định ND chính "Khóc Dương Khuê" là bài thơ biểu lộ nỗi đau và sự tiếc thương của Nguyễn Khuyến đối với sự ra đi của người bạn thân thiết, Dương Khuê, một nhà thơ, nhà báo nổi tiếng trong thời kỳ đó. Bài thơ không chỉ đơn thuần là một bản cáo phó mà còn là một tác phẩm chứa đựng tình cảm chân thành và sự tưởng niệm sâu sắc.

- Liên hệ: Bài thơ giúp em hiểu rằng tình bạn là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao quý trên cuộc đời này. Chính vì vậy, chúng ta cần quý trọng tình bạn chân thành.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 5:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

CHUYỆN NGƯỜI NGHĨA PHỤ Ở KHOÁI CHÂU

(Trích "Truyền kì mạn lục" – Nguyễn Dữ)

"Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giầu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lề thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ấm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắc đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường sá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

Trọng Quỳ thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kình nghê, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê.

Sinh không đừng được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nối nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị. Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khẩn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng:

- Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều chính đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối; mà Phùng lang từ ngày ra đi, thấm thoắt đã sáu năm nay, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ. Lỡ ra gặp lúc rồng tranh hổ chọi, phải khi bướm dại ong cuồng, Tra Lợi mắc vào tay (4), áp Nha không sẵn mặt (5), chỉ e Chương Đài tơ liễu, (6) trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời giăng gió cợt trêu, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh.

Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng cố định lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã rắp sẵn sàng. Nhị Khanh một hôm bảo người bõ già rằng:

- Chú là người đầy tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư? Bõ già nói:

- Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng. Nhị Khanh nói:

- Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì nghĩ Phùng lang hãy còn; nếu chàng không còn thì ta đã liều mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chú có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không?

Người bõ già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh lửa rối ren, đường sá hiểm trở, hắn phải lận đận đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An. Hắn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, lại vì con trai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá! Người bõ già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì thấy một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn cái gì đáng giá. Sinh bảo người bõ già rằng:

- Quan nhà không may, thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghẽn trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh.

Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà, vợ chồng cũng trông nhau mà khóc.…(…)… Song Sinh vì quen thân phóng lãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nết cũ lại đâu đóng đấy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bê tha lêu lổng. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều. Đỗ thì ham Sinh có vợ đẹp. Nhưng khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy lợi dử Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng:

- Những người lái buôn phần nhiều là giảo quyệt, đừng nên chơi thân với họ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem.
Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đỗ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳ quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳ gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cứ tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ. Trọng Quỳ phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng:
- Tôi vì nỗi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tụ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hắn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc.
Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng:
- Bỏ nghèo theo giầu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giời xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chồng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dong nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa nay. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút.
Đỗ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng:
- Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi.
Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết.
Đỗ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳ hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế
Trọng Quỳ đã góa vợ, rất ăn năn tội lỗi của mình, song sinh kế ngày một cùng quẫn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa, bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:
"Có phải Phùng lang đấy không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ thiếp ở cửa đền Trưng Vương. Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở".
Sinh lấy làm lạ tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đúng hẹn đến trước đền ấy. (....)... Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng:
- Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được! Trọng Quỳ chỉ tự nhận tội lỗi của mình.
Nhân hỏi đầu đuôi, Nhị Khanh nói:
- Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sớ văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau.

- Trọng Quỳ nói:

- Sao em đến chậm thế! Nhị Khanh nói:

- Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì cớ có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.

Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thỉ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày:

- Thiếp thường theo chầu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Binh tuất, (16) binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.

Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoắt chốc thì biến đi mất.

*** Chú thích:**

(1) Khoái Châu: tên huyện, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(2) Đông Quan: tên gọi Thăng Long dưới thời thuộc Minh.

(3) Duyên Châu Trần: Trung Quốc thời cổ ở huyện Phong thuộc Từ Châu có thôn Châu Trần. Trong thôn chỉ có hai họ Châu Trần đời đời kết hôn với nhau, vì thế trong văn chương Châu Trần thành điển cố để nói về chuyện hôn nhân.

(4) Tra lợi: Hàn Hoành có tài thị phú, làm quan dưới thời vua Đức Tông nhà Đường. Thủa hàn vi có người hiệp sĩ là Lý Sinh đem vợ lẽ yêu và đẹp là Liễu Thị tặng cho, lại giúp cho một số tiền lớn. Sau gặp loạn vợ chồng mỗi người mỗi nơi, Liễu Thị giữ tiết với chồng cắt tóc đi tu ở chùa Pháp Linh. Khi hết loạn, Hoành thuê người đi tìm, có bài thơ rằng: "Chương đài liễu! Tích nhật thanh thanh Kim tại Phủ? Túng sử trường điền tự cựu thùy, Dã ưng phan thiết tha nhân thủ! Nghĩa là: Chương đài liễu xanh xanh ngày trước, Nay còn chăng tha thướt ỏe oai? Ví còn tha thướt cành dài, Bẻ vin chắc đã tay ai khỏi nào! Liễu được thơ cũng làm một bài đáp lại. Nhưng khi Hàn về thì Liễu đã bị tướng Phiên là Sa Tra Lợi bắt đi. Hiệp khách Hứa Tuấn thương Hoành đột nhập vào phủ tướng Phiên cướp được Liễu Thị đem về trả cho Hoành. Hai người lại được đoàn viên.

(5) Đời Đường, Lưu Vô Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên Khách. Gặp loạn, nàng bị bắt vào cung. Tiên Khách nhờ được nghĩa sĩ Cổ áp Nha dùng kế đưa thuốc vào cho Vô Song. Uống xong nàng chết. áp Nha giả làm người thân xin chuộc xác nàng mang ra. Đến ngoài, thuốc nhạt, nàng tỉnh lại, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

(6) Xem chú thích (4) cùng chuyện.

Câu 1. Văn bản chứa đoạn trên thuộc thể loại nào? Nêu căn cứ xác định thể loại?

Câu 2. Chỉ ra điển tích, điển cố trong đoạn sau và nêu tác dụng: “Phùng có người con trai là Trọng Quỳ, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mối lái, định kỳ cưới hỏi.”

Câu 3. Tìm các chi tiết kì ảo trong đoạn trên và nêu tác dụng?

Câu 4. Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ như thế nào?

Câu 5. Tìm những chi tiết về lời nói của nhân vật Nhị Khanh sau khi chết và hóa thành hồn ma về gặp Trọng Qùy? Qua đó, em có nhận xét gì về vẻ đẹp và số phận của nhân vật Nhị Khanh?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Em hãy viết đoạn văn khoảng 12 – 15 câu theo phép lập luận diễn dịch trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp của nhân vật Nhị Khanh trong văn bản trên.

Câu 2. Em hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về quan điểm sống "xanh" và ý nghĩa của nó.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 5:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

- Văn bản chứa đoạn trên thuộc thể loại truyện truyền kì

- Căn cứ xác định thể loại:

+ Truyện có sử dụng các chi tiết kì ảo

+ Truyện xây dựng các sự việc xoay quanh cuộc sống của người trần và hồn ma (Trọng Qùy, Nhị Khanh)

+ Lời văn có sử dụng điển tích, điển cố

Câu 2.

- Điển tích, điển cố: kết duyên Châu Trần.

- Tác dụng: làm cho ngôn ngữ truyện hàm súc, trang nhã, sang trọng, cổ điển, làm cho câu chuyện trở nên sinh động hấp dẫn hơn.

Câu 3.

- Chi tiết kì ảo

+ Sau khi chết, Nhị Khanh hiện hồn về hẹn gặp Trọng Qùy vào canh ba

+ Nhị Khanh hiện hồn về gặp Trọng Qùy, báo cho chàng biết sắp có chiến tranh và chỉ cho cách để hai con phát triển sự nghiệp.

- Tác dụng:

+ Làm cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn.

+ Khắc họa đậm nét phẩm chất, tính cách của nhân vật Nhị Khanh: yêu thương chồng con, chung thủy với chồng.

+ Thể hiện tấm lòng nhân đạo của tác giả theo quan điểm: người tốt sẽ được đền đáp

Câu 4.

Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳ khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ yêu thương chồng, biết quan tâm, lo lắng cho chồng.

Câu 5.

- Những chi tiết về lời nói của nhân vật Nhị Khanh sau khi chết và hóa thành hồn ma về gặp Trọng Qùy.

+ Nói lời cảm tạ: "Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được!"
+ Kể tình hình hiện tại: "Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những sớ văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau."
+ Giải thích việc đến muộn: "Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì cớ có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đấy; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút.""
+ Báo tương lai, chỉ dẫn cho chồng con: Thiếp thường theo chầu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Binh tuất, (16) binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giồng cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bền chí đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát.
- Qua đó, thấy được tấm lòng vị tha, yêu thương chồng con và số phận bất hạnh, đang thương của nhân vật Nhị Khanh

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

***Nội dung:** Đoạn văn cần làm nổi bật các ý cơ bản sau:
- Giới thiệu về hoàn cảnh sống và xuất thân của nhân vật...
- Trình bày được các biểu hiện của tình yêu thương chồng con, tấm lòng chung thủy, giàu lòng tự trọng, vị tha của Nhị Khanh (phân tích được các dẫn chứng)
+ Can ngăn chồng khi chồng chơi bơi lêu lổng...
+ Thủy chung chờ đợi chồng đi chiến trận, từ chối hôn sự của viên quan họ Bạch...
+ Khi bị ép gả cho Đỗ Tam: thắt cổ tự vẫn...
+ Sau khi chết, hiện hồn về chỉ dẫn, mách nước cho chồng con tránh chiến tranh, được vinh hoa phú quý.

*** Nghệ thuật:** cách xây dựng tình huống, chọn ngôi kể phù hợp, ngôn ngữ cô đọng sử dụng nhiều điển tích, điển cố... góp phần tái hiện vẻ đẹp của nhân vật

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Em hãy viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về quan điểm sống "xanh" và ý nghĩa của nó.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

*** Mở bài:** giới thiệu vấn đề cần nghị luận: lối sống xanh của con người hiện nay.

*** Thân bài:**

- Giải thích, nêu biểu hiện:

+ Sống xanh là một cách tiếp cận thân thiện với môi trường, hòa mình vào sự hài hòa của tự nhiên….

+ Biểu hiện: sử dụng các sản phẩm có khả năng tái chế hoặc thân thiện với môi trường, chọn lựa thực phẩm và lối sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người mà không gây tổn thương cho môi trường

- Bàn luận: (kèm dẫn chứng)

+ Lối sống xanh là lối sống đúng đắn, tích cực

+ Vì lối sống xanh mang lại nhiều lợi ích không chỉ cho môi trường mà còn cho sức khỏe và tinh thần của chúng ta…

+ Nếu chúng ta không chọn lối sống xanh, thì trong không xa, hành tinh của chúng ta sẽ trở thành một bãi rác khổng lồ.

- Bài học: thực hiện lối sống xanh vằng các biện pháp

+ Tiết kiệm năng lượng, sử dụng các sản phẩm dễ tái chế và thân thiện với môi trường, giảm thiểu việc sử dụng các hóa chất có hại.

+ Lựa chọn thực phẩm hữu cơ và hạn chế lãng phí thức ăn

*** Kết bài:** kết thúc vấn đề

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 6:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng đào hái buổi còn xanh
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối Du-tiên hãy rành rành, song song.
Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng

Để thân này cỏ úng tơ mành,
Đông quân sao khéo bất tình,
Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân.
Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ,
Cành liễu mành bẻ thủa đương tơ
Khi trưởng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y hãy sờ sờ dấu phong.
Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy,
Để thân này nước chảy hoa trôi !
Hóa công sao khéo trêu ngươi?
Bóng đèn tà nguyệt, nhử mùi ký sinh !

(Trích *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều, in trong cuốn *Cổ văn Việt Nam - Cung oán ngâm khúc*, NXB Tân Việt, 1953, tr. 35)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

"Hóa công sao khéo trêu ngươi?
Bóng đèn tà nguyệt nhử mùi ký sinh"

Câu 3. Em có ấn tượng nhất với điều gì ở đoạn trích? Vì sao?

Câu 4. Từ hình ảnh người cung nữ trong đoạn trích, hãy trình bày suy nghĩ của em về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Em hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về lòng khoan dung.

Câu 2. Viết bài văn phân tích đoạn trích "Cung oán ngâm khúc" của tác giả Nguyễn Gia Thiều (trích dẫn trong phần đọc hiểu).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 6:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

Thơ Song thất lục bát

Câu 2.

-Biện pháp tu từ: ẩn dụ.

-Tác dụng: Làm tăng giá trị biểu đạt, thể hiện sâu sắc nỗi phẫn uất của người cung nữ.

Câu 3.

- Học sinh chỉ ra được một ấn tượng sâu sắc nhất về đoạn trích và giải thích rõ ràng, hợp lý. Gợi ý:

+ Nhạc tính của đoạn trích được tạo nên từ thể thơ và cách ngắt nhịp. Điều này thích hợp để diễn tả nội tâm sầu muộn, oán trách của người cung nữ.

+ Hình tượng nhân vật trữ tình người cung nữ hiện lên rõ nét qua thế giới nội tâm, hành động…

Câu 4.

- Từ hình ảnh người cung nữ trong đoạn trích, học sinh nêu được suy nghĩ của mình về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa. HS chỉ cần nêu được một ý hợp lý và diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Gợi ý:
+ Đó là những người phụ nữ có số phận bất hạnh, cuộc đời chìm nổi, hạnh phúc hay khổ đau đều tùy thuộc vào người khác.
+ Họ khát khao được sống hạnh phúc nhưng khó có thể đạt được...
+ …

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Khoan dung: Là thái độ sống, lẽ sống cao đẹp, là phẩm chất, đức tính tốt đẹp của con người mà ở đó con người có sự tha thứ, sự rộng lượng đối với người khác, nhất là những người gây ra đau khổ cho mình…

- Biểu hiện: Khoan dung trước hết là cách đối xử độ lượng, là biết hi sinh, nhường nhịn, không chấp chiếm đối với người khác; là cách hành xử cao thượng, khoan dung, là tha thứ cho những khuyết điểm, những lỗi lầm mà người khác gây ra cho mình hoặc xã hội…(dẫn chứng).

- Vai trò: Cần phải khoan dung vì đó là một phẩm chất cao đẹp, một cách ứng xử cao thượng cần được thực hiện, ngợi ca, vì đã là con người thì "vô nhân thập toàn" nên cần phải được đối xử rộng lượng và nhân văn.

- Người sống khoan dung sẽ được mọi người yêu mến, quý trọng…
- Khoan dung giúp con người sống thanh thản, tận hưởng cuộc sống có ý nghĩa hơn!

- Bàn luận:

+ Khoan dung không có nghĩa là bao che, dung túng cho những việc làm sai trái.
+ Nếu sống không khoan dung con người sẽ nặng trĩu sự thù hận, ghen ghét…
+ Để sống khoan dung con người cần có nhận thức đúng đắn, sự giáo dục, bản lĩnh…
+ Ngày nay, vẫn có những người ích kỉ, sống thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu đi sự thứ tha, khoan dung...chúng ta cần thức tỉnh họ.

- Liên hệ bản thân: rút ra bài học nhận thức và hành động.

Câu 2.

*** Nghệ thuật:** cách xây dựng tình huống, chọn ngôi kể phù hợp, ngôn ngữ cô đọng sử dụng nhiều điển tích, điển cố... góp phần tái hiện vẻ đẹp của nhân vật**a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận văn học đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Phân tích đoạn trích "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều.

c Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

* Giới thiệu khái quát về đoạn trích (nhan đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về đoạn trích.
* Lần lượt phân tích theo bố cục hoặc đi từ nội dung đến nghệ thuật của đoạn trích…HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau một cách linh hoạt. Sau đây là vài gợi ý chính:

+ Phân tích nội dung chủ đề của đoạn trích:

Đoạn trích miêu tả sâu sắc tâm trạng của nhân vật cung nữ với nỗi buồn đau, tủi hổ khi bị lãng quên, không còn nhận được sự quan tâm, yêu thương của nhà vua.

+ Phân tích giá trị nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó trong biểu đạt nội dung đoạn trích bài thơ:

- Thể thơ song thất lục bát thiên về việc diễn tả nội tâm nhân vật với cảm hứng trữ tình bi thương, có khả năng biểu lộ một cách tinh tế những dòngcảm xúc dồn nén với tâm trạng cô đơn, sầu muộn.
- Đoạn thơ sử dụng bút pháp tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại

+ Thời điểm quá khứ: Tháng ngày hạnh phúc khi còn được vua yêu chuộng nên cuộc sống trở nên tốt đẹp.

+ Thời điểm hiện tại: Tháng ngày buồn tẻ, phẫn uất khi bị vua rẻ rúng, ruồng rẫy ....

-Tâm trạng của nhân vật trữ tình:

+ Buồn tủi, cô đơn, đau xót cho hiện tại

+ Phẫn uất, trách móc nhà vua, trách móc xã hội…

- Sử dụng nhiều điển tích, điển cố tăng tính hàm súc, gợi liên tưởng phong phú cho người đọc

* Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 7:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo ron ron!
Cầu Tiên khói toả đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu!
Nỗi lai lịch dễ hầu than thở,
Trách nhân duyên mờ lỡ cớ sao?
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao,
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời!
Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phò vẳng vặc bóng dương,
Rút dây vâng mệnh phụ hoàng,
Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui.
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi gia mừng được phải duyên,
Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rỡ ràng vẻ thuý, nối chen tiếng cầm.
Lượng che chở, vụng lầm nào kể,
Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời,
Dầu rằng non nước biến dời,
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,
Khắp tôn thân cũng đội ơn sang,
Miếu đường còn dấu chưng thường,
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.
Nhờ hồng phúc, đôi cành hoè quế,
Đượm hơi dương, dây rễ cùng tươi.
Non Nam lần chúc tuổi trời,
Dâng câu thiên bảo, bày lời Hoa phong.
Những ao ước trập trùng tuổi hạc,
Nguyền trăm năm ngỡ được vầy vui,
Nào hay sông cạn, bể vùi,
Lòng trời tráo trở, vận người biệt ly!
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên!
Xiết bao kinh sợ lo phiền,
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước.
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?
Ngán thay, máy Tạo bất bằng!
Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan!

Cuộc tụ, tán, bi, hoàn kíp bấy!
Kể sum vầy đã mấy năm nay?
Lênh đênh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu!
Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,
Biết cậy ai dập nỗi bi thương?
Trông mong luống những mơ màng,
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.
Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu:
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!
(Trích *Ai Tư vãn*, Lê Ngọc Hân, theo https://isach.info/)

Chú thích:

* *Ai Tư vãn* là một tác phẩm viết bằng chữ Nôm. Tương truyền bài thơ này là do Bắc Cung Hoàng hậu Lê Ngọc Hân viết khóc phu quân là Quang Trung Hoàng đế Nguyễn Huệ khi hoàng đế băng hà.

Câu 1. Đoạn trích "Ai Tư Vãn" được viết theo thể thơ nào? Đặc điểm của thể thơ đó là gì?

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai? Em cảm nhận được điều gì ở nhân vật trữ tình?

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: "Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan!"

Câu 4. Trong cuộc đời, gặp gỡ rồi chia ly là lẽ tự nhiên. Nếu phải chứng kiến hoặc trải qua những cuộc chia ly, em nên có thái độ như thế nào?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về cách thức để đối mặt và vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống.

Câu 2. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đoạn trích trong "*Ai Tư vãn*" của Lê Ngọc Hân ở phần Đọc - hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 7:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

- Đoạn trích "Ai Tư Vãn" được viết theo thể thơ song thất lục bát

- Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát:

+ Kết hợp đan xen từng cặp song thất với cặp câu lục bát.
+ Về vần, thơ song thất lục bát sử dụng cả vần lưng và vần chân.
+ Về thanh điệu, thanh bằng (B) – thanh trắc (T) của các tiếng ở một số vị trí trong câu thơ là cố định.
+ Cách ngắt nhịp của thơ song thất tương đối linh hoạt.

Câu 2.

- Nhân vật trữ tình: người vợ - Hoàng hậu Lê Ngọc Hân

- Qua đoạn trích, nhân vật trữ tình hiện lên là một người vợ nặng tình, biết trân quý những tình cảm, kỉ niệm vợ chồng; thủy chung, đau lòng, xót thương chồng vô hạn.

Câu 3.

- Biện pháp nói giảm nói tránh:

Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan

- Tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh:

+ Giúp cho cách diễn đạt trở nên giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm.

+ Vừa nhằm giảm bớt nỗi đau đớn trước cảnh sinh ly tử biệt; vừa gợi thân thế cao quý của người chồng qua hình ảnh xe loan.

+ Qua đó, thể hiện tâm trạng đau đớn, xót xa của người vợ trước sự ra đi của người chồng.

Câu 4.

- Trong cuộc đời, gặp gỡ rồi chia ly là lẽ tự nhiên, nếu em phải chứng kiến hoặc trải qua những cuộc chia ly, em nên có thái độ:

+ Biết chấp nhận việc chia ly cũng như gặp gỡ như một lẽ thường tình, một lẽ tự nhiên không thể tránh khỏi trong cuộc sống;

+ Biết hướng tới những điều tích cực, lạc quan, tốt đẹp;

+ Yêu quý, trân trọng những người đang ở bên ta để khi họ có rời đi ta cũng không phải hối tiếc điều gì;

+ Động viên, khích lệ những người đang phải trải qua những cuộc chia ly có suy nghĩ, thái độ lạc quan, tích cực..

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

*** Mở đoạn:**

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: cách vượt qua khó khăn thử thách của em.

*** Thân đoạn:** Làm rõ cách thức để để đối mặt và vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

- Giải thích:

+ Khó khăn thử thách: những tình huống éo le, ngang trái có thể đánh ngã chúng ta mà mỗi người gặp phải trong cuộc sống của mình.

+ Mỗi người cần rèn luyện cho bản thân một ý chí kiên cường để có thể đối mặt và vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

- Phân tích

+ Cuộc sống của bất cứ ai cũng đều gặp phải những khó khăn, thử thách nhất định. Chúng ta không được lựa chọn mình sẽ gặp phải những khó khăn gì nhưng đối mặt và giải quyết những khó khăn, thử thách như thế nào lại phụ thuộc vào ý chí, nghị lực, quan điểm của mỗi người.

+ Chỉ khi ta vượt qua khó khăn, thử thách ta mới có được những bài học bổ ích và những điều tốt đẹp cho bản thân mình. Nếu buông xuôi, bỏ cuộc giữa chừng ta sẽ không thể có được thành công và những điều tốt đẹp sẽ không bao giờ đến.

- Dẫn chứng về những người nỗ lực, kiên trì, bản lĩnh đã vượt qua khó khăn, thử thách để minh họa cho bài làm văn của mình.

- Phản đề

Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người có thói sống dựa dẫm, ỷ lại vào người khác. Lại có những người không chịu nỗ lực, phấn đấu vươn lên,… Những người này khó có được thành công và những giá trị tốt đẹp.

- Kết đoạn: Khẳng định lại ý nghĩa của việc vượt qua nỗi đau trong cuộc sống và rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận văn học đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đoạn trích "*Ai tư vãn*" ở phần Đọc – hiểu.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.

- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

*** Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát đoạn trích "Ai tư vãn" và nêu khái quát ấn tượng chung về bài thơ.

+ Đoạn trích "Ai tư vãn" đã để lại trong lòng người đọc những day dứt khó quên bởi chính nỗi đau xé triền miên của một người quả phụ khóc thương cho người chồng của mình.

*** Thân bài: Triển khai vấn đề cần nghị luận:**

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm:

+ Lê Ngọc Hân (1770 – 1799) hay còn gọi là công chúa Ngọc Hân, là con gái thứ 21 của vua Lê Hiển Tông. Nàng là một người con gái tài sắc vẹn toàn, từ nhỏ đã tinh thông kinh sử và biết làm thơ. Năm 16 được, Ngọc Hân vâng lời vua cha kết duyên cùng Nguyễn Huệ. Dù cuộc hôn nhân này nhằm mục đích chính trị nhưng tình cảm của hai người dành cho nhau sớm đã mặn nồng. Hạnh phúc không được bao lâu thì đến năm 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời, để lại cho nàng hai đứa con nhỏ. Cũng chính vì thế mà bài thơ "Ai tư vẫn" được ra đời.

- "Ai tư vãn" có nghĩa là "Bài văn ca về nỗi buồn đau tưởng nhớ". Như chính tên gọi của nó, bài thơ là tiếng khóc thành thơ, là nỗi buồn đau khôn xiết của công chúa Ngọc Hân khi biết người chồng yêu quý của mình đã không còn tồn tại trên cõi đời.

- Phân tích bài thơ:

Luận điểm 1: Phân tích nội dung, chủ đề của văn bản.

+ Hiện thực tại mất mát, tang thương của nhân vật trữ tình:

+ Sự hồi tưởng về những tháng ngày hạnh phúc của nghĩa tình phu phụ.

+ Nỗi đau ly biệt:

Luận điểm 2: Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

+ Thể thơ song thất lục bát với quy định rất chặt chẽ về vần, về nhịp.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, quen thuộc mà giàu giá trị biểu cảm. Sử dụng kết hợp các biện pháp tu từ như biện pháp so sánh, ẩn dụ,… Bút pháp tả cảnh ngụ tình tài hoa. Tất cả đã diễn tả sâu sắc, thấm thía nỗi niềm của bà Hoàng hậu họ Lê trước sự ra đi của người chồng.

*** Đánh giá mở rộng:**

Đoạn thơ trích trong "Ai tư vãn" là một đoạn thơ mẫu mực của thể thơ song thất lục bát thuần tuý dân tộc với vần nhịp, giọng điệu phù hợp để diễn tả tâm sự, nỗi niềm của người vợ trong không gian, thời gian cụ thể là trước sự ra đi của người chồng.

*** Kết bài:** Khẳng định giá trị của đoạn trích, nêu bài học bản thân

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 8:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

***1*. Ngư tinh**

Ở ngoài biển Đông có con cá đã thành tinh, mình như rắn dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như rết, biến hóa thiên hình vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì ầm ầm như mưa bão, lại ăn thịt người nên ai cũng sợ...

Có hòn đá Ngư tinh, răng đá lởm chởm cắt ngang bờ bể, ở dưới đá có hang, cá tinh sống ở trong đó. Thuyền dân đi qua chỗ này thường hay bị cả tinh làm hại. Vì sóng gió hiểm trở, không có lối thông, dân muốn mở đường đi khác nhưng đá rắn chắc khó đẽo. Một đêm, có tiên đến đục đá làm cảng để cho người đi dễ dàng qua lại. Cảng sắp làm xong, cả tinh bèn hóa làm con gà trắng gáy ở trên núi. Quần tiên nghe tiếng ngỡ rằng đã rạng đông nên cùng bay lên trời (nay gọi là cảng Phật Đào). Long Quân thương dân bị hại, bèn hóa phép thành một chiếc thuyền lớn, hạ lệnh cho

quỉ Dạ Xoa ở dưới thủy phủ cấm thần biển không được nổi sóng, rồi chèo thuyền đến bờ hang đá cá tinh, giả vờ cầm một người sắp ném vào cho nó ăn. Cả tinh há miệng định nuốt, Long Quân cầm một khối sắt nung đỏ ném vào miệng cá. Cá tinh chồm lên quẫy mình quật vào thuyền. Long Quân cắt đứt đuôi cá, lột da phủ lên trên núi nay chỗ đó gọi là Bạch Long Vĩ, còn cái đầu trôi ra ngoài bể biến thành con chó. Long Quân bèn lấy đá ngăn bể rồi chém nó. Nó biến thành cái đầu chó, nay gọi là Núi Đầu Chó (Cầu Đầu Sơn), còn thân mình trôi ra ngoài Mạn Cầu, chỗ đó nay gọi là Cẩu Mạn Cầu.

2. Hồ tinh

Thành Thăng Long xưa còn có tên là Long Biên, hồi thượng cổ không có người ở. Vua Lý Thái Tổ chèo thuyền ở bờ sông Nhĩ Hà, có hai con rồng dẫn thuyền đi, vì vậy đặt tên là Thăng Long, rồi đóng đô ở đấy, tức là đất kinh thành ngày nay vậy.

Xưa ở phía tây thành có hòn núi đá nhỏ. Trong hang dưới chân núi, có con chồn chín đuôi sống được hơn ngàn năm, có thể hóa thành yêu tinh, biến hóa thiên hình vạn trạng, hoặc thành người hoặc thành quỉ đi khắp nhân gian. Thời đó, dưới chân núi Tản Viên, người mọi chôn gỗ kết cỏ làm nhà. Trên núi có vị thần, người mọi thường thờ phụng. Thần dạy người mọi trồng lúa, dệt vải làm áo trắng mà mặc cho nên gọi là "mọi áo trắng" (Bạch y man). Con chồn chín đuôi biến thành người mọi áo trắng nhập vào giữa đám dân mọi cùng ca hát, dụ bắt trai gái rồi trốn vào trong hang núi đá. Người mọi rất khổ sở. Long Quân bèn ra lệnh cho lục bộ thủy phủ dâng nước lên phá vỡ hang đá, làm thành một đầm nước lớn. Nơi này trở thành một cái vũng sâu gọi là "đầm Xác Chồn" (tức Hồ Tây ngày nay). Rồi cho lập miếu để trấn áp yêu quái (tức chùa La đã ngàn năm). Cánh đồng phía Hồ Tây rất bằng phẳng, dân địa phương trồng trọt làm ăn, nay gọi là "đồng Chồn" (Hồ Đồng). Đất ở đây cao ráo, dân làm nhà mà ở, thường gọi là "thôn Chồn" (Hồ Thôn). Chỗ hang chồn xưa, nay gọi là đầm Lỗ Hồ (Lỗ Hồ Đàm).

(Trích *Lĩnh Nam chích quái*, Trần Thế Pháp soạn thảo, theo https://dotchuoinon.com)

Câu 1. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

Câu 2. Vì sao Lạc Long Quân phải diệt trừ Ngư Tinh và Hồ Tinh? Lạc Long Quân đã dùng cách nào để đánh Ngư Tinh và Hồ Tinh

Câu 3. Yếu tố "kinh" trong từ "kinh thành" có phải là yếu tố đồng âm với "kinh" trong " kinh hoàng" không? Vì sao?

Câu 4. Theo em, chiến công đánh bại Ngư Tinh và Hồ Tinh phản ánh điều gì trong quan niệm của người xưa về vai trò của người anh hùng trong việc bảo vệ cộng đồng?

Câu 5. Từ nhân vật Lạc Long Quân, em hãy bày tỏ suy nghĩ về sự cần thiết phải biết giúp đỡ và bảo vệ những người yếu đuối, hay những người gặp khó khăn trong cuộc sống. (Viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu)

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Yếu tố kỳ ảo được coi là phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống của truyện truyền kỳ. Qua những chi tiết kỳ ảo, người đọc có thể nhân thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan điểm, thái độ của tác giả. Em hãy nhận xét về yếu tố kỳ ảo trong truyện Ngư Tinh – Hồ Tinh. (Viết đoạn văn khoảng 200 chữ)

Câu 2. Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Ô nhiễm nguồn nước và hành động của chúng ta.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 8:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

Nội dung chính của văn bản trên là: Lạc Long Quân diệt trừ các loại yêu quái là Ngư Tinh và Mộc Tinh chuyên gây tai họa, đe dọa cuộc sống bình yên của nhân dân.

Câu 2.

- Lạc Long Quân phải diệt trừ Ngư Tinh và Hồ Tinh vì chúng gây hại cho dân chúng, ăn thịt người và làm cuộc sống của người dân trở nên nguy hiểm và khổ sở.

- Cách diệt trừ Ngư Tinh: Lạc Long Quân hóa phép thành một chiếc thuyền lớn, giả vờ cầm một người sắp ném vào cho Ngư Tinh ăn. Khi Ngư Tinh há miệng định nuốt, ông ném vào miệng cá một khối sắt nung đỏ, khiến nó bị thương nặng. Sau đó, ông cắt đứt đuôi cá và lột da nó.

- Cách diệt trừ Hồ Tinh: Lạc Long Quân ra lệnh cho lục bộ thủy phủ dâng nước lên phá vỡ hang đá nơi Hồ Tinh ẩn náu, biến chỗ đó thành một đầm nước lớn (Hồ Tây ngày nay).

Câu 3.

Yếu tố "kinh" trong từ "kinh thành" đồng âm với yếu tố "kinh" trong các từ "kinh dị" và "kinh hoàng". Vì :

- "Kinh" trong "kinh thành" có nghĩa là nơi đặt kinh đô, trung tâm chính trị của một quốc gia.
- "Kinh" trong "kinh dị" và "kinh hoàng" có nghĩa là "sợ hãi" hoặc "hoảng sợ".

Hai yếu tố này có âm đọc giống nhau nhưng nghĩa khác nhau nên là những yếu tố Hán Việt đồng âm

Câu 4.

- Chiến công đánh bại Ngư Tinh và Hồ Tinh của Lạc Long Quân phản ánh quan niệm của người xưa về vai trò của người anh hùng là bảo vệ cộng đồng, mang lại bình an và sự thịnh vượng cho dân chúng.
- Người anh hùng không chỉ cần có sức mạnh và lòng dũng cảm mà còn phải có trí tuệ và lòng nhân ái. Các vị thần hay anh hùng trong truyền thuyết thường được xem là biểu tượng của sức mạnh bảo vệ, công lý và lòng yêu nước.

Câu 5.

Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề đặt ra và lý giải hợp lý. HS có thể đưa ra suy nghĩ riêng của mình về vấn đề, tuy nhiên cần phù hợp với đạo đức, pháp luật. **Sau đây là một gợi ý:**

VD: Lạc Long Quân diệt trừ yêu quái giúp đỡ nhân dân, được nhân dân kính trọng, ghi nhớ công ơn. Hành động của người anh hùng gợi suy nghĩ về sự cần thiết phải biết giúp đỡ và bảo vệ những người yếu đuối

Bởi vì:

+ Khi mọi người biết đứng ra bảo vệ và giúp đỡ những người yếu đuối, sẽ góp phần ngăn chặn những hành động bất công và bạo lực, tạo ra một xã hội an toàn, công bằng, nhân ái, tốt đẹp

+ Bảo vệ mọi người trong tình huống khó khăn, ta sẽ giúp họ vượt qua thử thách trong cuộc sống, có niềm tin vào cuộc đời

+ Bản thân người biết giúp đỡ sẽ hạnh phúc vì được mọi người tin yêu và thấy cuộc sống của mình có nhiều ý nghĩa.

+ Giáo dục thế hệ trẻ làm việc có ích, có ý nghĩa cho cuộc đời.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

+ Chỉ ra yếu tố kỳ ảo trong truyện Ngư Tinh và Hồ Tinh:

Ngư Tinh có hình dạng kỳ lạ và khả năng siêu phàm, có thể biến hóa thành hình dạng khác như gà trắng, tác oai, tác quái gây hại cho dân

Hồ Tinh: Chồn chín đuôi biến hình thành người, có phép thuật có thể gây hại cho dân

Lạc Long Quân: là vị thần, có khả năng biến hóa và sử dụng phép thuật: hóa phép thành thuyền lớn và sử dụng sắt nung đỏ để chiến đấu với Ngư Tinh, chặt đuôi cá và lột da phủ lên núi, làm biến đổi địa hình thành danh thắng

+ Cách sử dụng yếu tố kỳ ảo: Tác giả sử dụng yếu tố kỳ ảo đan xen với yếu tố hiện thực như địa danh có thực: Hòn đá Ngư Tinh, cảng Phật Đào, Núi Đầu Chó, Hồ Tây, Thăng Long, Nhĩ Hà…….

+ Vai trò, ý nghĩa: : Phản ánh sự khắc nghiệt của thiên nhiên và những khó khăn, hiểm nguy mà con người phải đối mặt. Ngư Tinh, Hồ Tinh tượng trưng cho là các thế lực, thử thách khó khăn mà con người phải vượt qua. Lạc Long Quân là biểu tượng cho quá trình chinh phục thiên nhiên và khát vọng của ông cha ta

- Tác giả sử dụng yếu tố kỳ ảo để thể hiện khát vọng của nhân dân về sự công bằng, chiến thắng của cái thiện với cái ác, ca ngợi công cuộc chinh phục thiên nhiên của cha ông, và mong muốn về người anh hùng có năng lực siêu phàm, dũng cảm, sẵn sàng đứng ra bảo vệ cộng đồng

- Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, sử dụng kết hợp yếu tố kỳ ảo và hiện thực cũng góp phần làm tăng thêm tính chân thực cho câu chuyện.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Ô nhiễm nguồn nước và hành động của chúng ta.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: Nghị luận xã hội nguồn nước ngọt bị ô nhiễm và hành động của chúng ta.

Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào năng lực của bản thân.

2. Thân bài

a. Thực trạng

- Tình trạng quy hoạch các đô thị chưa thể gắn liền với vấn đề về xử lý chất nước thải nên ô nhiễm nguồn nước ở các thành phố lớn, ở các khu công nghiệp và nhất là khu đô thị cũng đang ở mức báo động.
- Nước bị ô nhiễm trên nhiều nơi và nhiều địa điểm khác nhau như ao hồ, sông ngòi, hay hệ thống ống dẫn thoát nước thải.

b. Nguyên nhân

- Sự thiếu ý thức của nhiều người dân, do sự thiếu trách nhiệm của các doanh nghiệp. Họ thường đặt mục tiêu lợi nhuận đầu tiên nên đã vi phạm quy trình khai thác, làm ô nhiễm môi trường và không xử lí nước thải đúng theo quy định của pháp luật.
- Việc quản lý bảo vệ môi trường chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả đã vô tình tiếp tay cho các hành vi phá hoại môi trường ngày càng tiếp diễn.

c. Hậu quả

- Nhiều sông ngòi ao hồ bị ô nhiễm trầm trọng ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống sinh hoạt cũng như sức khỏe của con người.
- Nước ô nhiễm dẫn đến nguồn nước sạch sẽ không đủ phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu cây trồng và sinh hoạt hàng ngày của con người.
- Nước ô nhiễm cũng là nguồn phát sinh sinh ra các mầm mống dịch bệnh nguy hiểm khác.

d. Giải pháp

- Trước tiên, các cơ quan chức năng cần cung cấp một nguồn nước sạch an toàn đã qua xử lý để cung cấp cho các hộ dân trong vùng bị nước ô nhiễm và đưa ra các phương pháp xử lý nước đơn giản để họ có nguồn nước sạch sử dụng.
- Tại các khu đô thị hay các khu công nghiệp, tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi cho chảy ra ngoài môi trường và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện của các doanh nghiệp.

3. Kết bài

Khái quát lại vấn đề nghị luận: Nghị luận xã hội nguồn nước ngọt bị ô nhiễm.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 9:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Đất Thanh Hóa hầu hết là núi, bát ngát bao la đến mấy ngàn dặm. Có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở quạnh vắng không có chân người, bụi trần không bén tới. Trong động có người tiều phu hàng ngày gánh củi ra đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy tiền. Ai hỏi tên họ nhà cửa, tiều phu chỉ cười mà không nói. Người chung quanh đều cho rằng đây phải là bậc kỳ sỹ ở ẩn. Khoảng năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường, vừa đi vừa hát rằng:

[…]

"Núi xanh bao bọc quanh nhà
Ruộng đem sắc biếc xa xa vòng ngoài
Ngựa xe võng lọng mặc ai
Nước non này chẳng trần ai vướng vào"

[…] *Hát xong, phất áo đi thẳng. Hán Thương đoán là một bậc ẩn giả, bèn sai quan hầu là Trương Công đi mời. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì tiều phu đã đi vào động, gọi cũng không trả lời, chỉ thấy rẽ mây lách khói, đi thoăn thoắt trong rừng tùng khóm trúc. Biết không phải là người thường, Trương bèn rón bước đi theo, rẽ cỏ tìm đường.* […]

Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc hỏi:

- Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Trương trả lời:

- Tôi là chức quan tùy giá của đương triều; biết ngài là bậc cao sỹ nên vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện loan giá đang đợi ngoài kia, xin ngài quay lại một chút.

Tiều phu cười mà rằng:

- Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông già lánh bụi; gửi thân nơi lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng hươu nai tôm cá, quẩn bên là tuyết nguyệt phong hoa, đông kép mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói; múc khe mà uống, bới núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài kia là triều đại nào, vua quan nào.

(Trích *Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na, Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Văn nghệ, 1988)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc hỏi:

- Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Câu 3. Tìm hai từ Hán Việt có trong đoạn văn in đậm

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 5. Em rút ra được những bài học gì cho bản thân sau qua đoạn trích trên?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật người tiều phu trong đoạn trích trên.

Câu 2. Viết một bài văn nêu suy nghĩ về những việc cần làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 9:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

Phương thức biểu đạt: Tự sự

Ngôi kể: ngôi thứ ba.

Câu 2.

- Lời của người kể chuyện: Thấy Trương đến, tiều phu kinh ngạc hỏi

- Lời của nhân vật (Tiều Phu): - Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Câu 3.

Tìm đúng hai từ Hán Việt

Câu 4.

Chủ đề của văn bản: Vẻ đẹp của người tiều phu: sống ung dung, tự tại hòa mình với thiên nhiên và hiểu lẽ đời

Câu 5.

*** HS rút ra những bài học ý nghĩa qua câu đoạn trích:**

- Không màng danh lợi
- Yêu thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên
- Sống ung dung tự tại bằng sức lao động của mình

...

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Na là một trong những thiên truyện tiêu biểu trích trong Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Vẻ đẹp nhân vật người tiều phu núi Na được thể hiện đặc sắc qua đoạn trích sau (trích VB).

- Thân đoạn: Làm rõ nhân vật người tiều phu quan đoạn trích. Có thể như sau:

+ Hoàn cảnh sống: Người tiều phu sống một mình trong động lớn ở núi Na. Công việc hàng ngày là gánh củi ra đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy tiền,

+ Phẩm chất, tính cách: Người tiều phu hiện lên qua đoạn trích là một ẩn sĩ thấu hiểu lẽ đời, không màng danh lợi, sống hòa mình với thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn; sống cuộc đời ung dung, tự do tự tại.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật người tiều phu được khắc họa rõ nét qua lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, qua suy nghĩ của các nhân vật khác và được bộc lộ trực tiếp qua hành động, lời nói của tiều phu.

+ Ý nghĩa: Qua nhân vật người tiều phu, nhà văn gián tiếp thể hiện quan điểm nhân sinh sâu sắc của mình.

- Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề.

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Những việc cần làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.

c. Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:
hơn.

1. Mở bài

Trái đất chính là ngôi nhà của chúng ta, là nơi sinh sống của biết bao con người, động thực vật khác nhau. Nhưng trái đất của chúng ta đã và đang gặp nhiều vấn đề khác nhau như: hiện tượng trái đất nóng lên, ô nhiễm bầu khí quyển,... làm sự sống của toàn nhân loại đang đứng trước đà đe dọa. Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay.

2. Thân bài

*** Phân tích các khía cạnh của vấn đề:**

- Hàng ngày, chúng ta phải đối mặt với rất nhiều vấn đề: nóng lên toàn cầu, hệ sinh thái biển đang chết dần và sự sống của nhiều loài động vật đang bị đe dọa, thật khó để biết nên bắt đầu từ đâu. Nếu chỉ một cá nhân hành động sẽ không thể tạo ra sự khác biệt, nhưng nó sẽ đóng góp một phần nào đó vào công cuộc để bảo vệ Trái Đất.

- Nếu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay:

+ Trái đất ngày càng nóng lên
+ Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn
+ Nồng độ chì đã và đang tăng lên
+ Ô nhiễm từ các loại xe cộ...

*** Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn:**

+ Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường
+ Có lối sống bền vững
+ Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước
+ Ít sử dụng hóa chất
+ Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,...
+ Bảo vệ các loài động vật quý hiếm...
+ Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.
+ Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người...
+ Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy
+ Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường.
+ Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội.

* Bài học cho bản thân:

3. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận.

* Trình bày có bố cục rõ ràng, văn phong trong sáng, không sai lỗi chính tả, có sự sáng tạo.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.

ĐỀ 10:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Hai chữ nước nhà

(Trích)

– Trần Tuấn Khải –

Chốn Ải Bắc mây sầu ảm đạm
Cõi trời Nam gió thảm đìu hiu
Bốn bề hổ thét chim kêu
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
Chút thân tàn lần bước dặm khơi
Trông con tầm tã châu rơi
Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay
Trời Nam riêng một cõi này
Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!

Than vận nước gặp khi biến đổi
Để quân Minh thừa hội xâm lăng
Bốn phương khói lửa bừng bừng
Xiết bao thảm hoạ xương rừng máu sông!

Nơi đô thị thành tung quách vỡ
Chốn dân gian bỏ vợ lìa con
Làm cho xiêu tán hao mòn
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu!

Thảm vong quốc kể sao cho xiết
Trông cơ đồ nhường xé tâm can
Ngậm ngùi khóc đất giời than
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!

Khói Nùng lĩnh như xây khối uất
Sóng Long giang nhường vật cơn sầu
Con ơi! càng nói càng đau...
Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Cha xót phận tuổi già sức yếu
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay
Thân lươn bao quản vũng lầy
Giang sơn gánh vác sau này cậy con

Con nên nhớ tổ tông khi trước
Đã từng phen vì nước gian lao
Bắc Nam bờ cõi phân mao
Ngọn cờ độc lập máu đào còn dây.
(...)

*** Chú thích:**

(1) Trần Tuấn Khải: Tên thật là Nguyễn Tuấn Khải (1895- 1983), bút hiệu là Á Nam. Quê quán tại làng Quang Xán, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông là một nhà yêu nước; thường mượn những đề tài lịch sử, hoặc những biểu tượng nghệ thuật để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm thù quân giặc thêm vào đó là khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào, tỏ lòng khát khao độc lập, tự do. Trần Tuấn Khải có một số tác phẩm tiêu biểu như Bút quan hoài I, II; Với sơn hà I, II… Thơ ông viết nổi tiếng nhất là những bài thơ theo thể loại cổ truyền của dân tộc như lục bát, song thất lục bát…

(2) *Hai chữ nước nhà*: Là bài thơ đầu tiên trong tập "*Bút quan hoài*" của Trần Tuấn Khải. Bài thơ sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát.

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Em có nhận xét gì về giọng điệu của đoạn thơ trích dẫn?

Câu 2. Đoạn thơ là lời của ai nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Nêu nhận xét về bối cảnh không gian, hoàn cảnh và tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ in đậm ở trên.

Câu 4. Đoạn thơ khép lại bằng hình ảnh "Ngọn cờ độc lập", em hiểu hình ảnh này có ý nghĩa gì?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Thế hệ trẻ hôm nay đang được sống trong nền hòa bình, độc lập, em thấy bản thân mỗi người cần làm gì để giữ gìn, bảo vệ nền hòa bình, độc lập đó? (Yêu cầu: Trình bày trong khoảng ½ trang giấy thi).

Câu 2. Phân tích đoạn thơ trong phần đọc – hiểu trích trong bài thơ "Hai chữ nước nhà" của Trần Tuấn Khải.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 10:

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1.

- Thể thơ: Song thất lục bát.

- Giọng điệu của đoạn thơ: Lâm li, chan chứa tình cảm, thể hiện nỗi lòng đau đớn, thống thiết đối với đất nước và giống nòi.

Câu 2.

- Đoạn thơ là lời của người cha nói với con.

- Nói trong hoàn cảnh: Trước giờ li biệt (trong cảnh nước mất nhà tan).

Câu 3.

Nhận xét về:

- Bối cảnh không gian: Xa xôi (nơi tận cùng Tổ quốc), bao trùm màu tang tóc và nhuốm sầu nơi lòng người.

- Hoàn cảnh: Éo le

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình: Đau đớn tột cùng

Câu 4.

Hình ảnh "Ngọn cờ độc lập" có ý nghĩa: Thể hiện niềm tin vào chiến thắng đang đến rất gần.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

*** Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Đảm bảo đoạn văn nghị luận có bố cục mạch lạc, sử dụng linh hoạt các kiểu câu và có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các ý trong đoạn văn. Có cách diễn đạt trong sáng độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề nghị luận.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

- Tin tưởng, tự hào về nền hòa bình;
- Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào để góp phần bảo vệ nền hòa bình;
- Phê phán những hành vi, việc làm nhằm xuyên tạc, phá hoại nền hòa bình;
- Ra sức nỗ lực, phấn đấu học tập tốt;
- ...

Câu 2.

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

- Học sinh biết tạo lập một bài văn nghị luận văn học đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Phân tích đoạn thơ trong phần đọc – hiểu trích trong bài thơ "*Hai chữ nước nhà*" của Trần Tuấn Khải.

c Triển khai vấn đề nghị luận

- Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, có sức thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.
- HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

a. Mở bài: Giới thiệu khái quát về đoạn thơ và tác giả; nêu ý kiến chung.

b. Thân bài: Lần lượt phân tích các phần theo bố cục:

- Phần 1: Phân tích để làm rõ:

+ Nội dung:

+ Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:

- Phần 2: Phân tích để làm rõ:

+ Nội dung:

+ Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:

- Phần 3: Phân tích để làm rõ:

+ Nội dung:

+ Một số nét đặc sắc về nghệ thuật:

(**Lưu ý:** Trên đây chỉ là gợi ý cách phân tích, HS còn có thể phân tích bài thơ theo cách lần lượt đi từ nội dung đến hình thức nghệ thuật hoặc ngược lại.)

c. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa và khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật làm nên thành công của đoạn thơ.

d. Chính tả, ngữ pháp

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.

e. Sáng tạo

- Bài viết có luận điểm rõ ràng, lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, bài viết thể hiện được sự sáng tạo, độc đáo riêng.
- Chữ viết sạch đẹp, rõ ràng, văn phong lưu loát; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu.